

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HSST

Ngày 20/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế S; bà Ngô Thùy P.

Thư ký phiên tòa: Bà Hạp Thị Lan P- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim P- Kiểm sát viên.

Ngày 20/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2023/TLST-HS ngày 05/01/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/QĐXXST-HS ngày -06/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn H, sinh năm 1999.

HKTT: Xóm Nguyên B, xã Thanh Đ, huyện Định H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Triệu Văn C, sinh năm 1971 và bà Bùi Thị T, sinh năm 1976; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ, con chưa có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 29/9/2022, TAND huyện Đ, tỉnh T ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng (chưa chấp hành).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

2. Phương Văn T, sinh năm 1997.

HKTT: Thôn Đồng L, xã Đ huyện Định H, tỉnh T; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: San Chí; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phương Văn H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 17/10/2022, TAND huyện Định H, tỉnh T ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng (chưa chấp hành).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2022 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Anh Hán Văn M, sinh ngày 18/8/2005 do chị Bùi Thị T, sinh năm 1975 (mẹ đẻ của M) là người đại diện; Cùng ĐKKHKT: Khu 8, xã V, huyện Tam N, tỉnh P, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Triệu Văn H và Phương Văn T là bạn bè quen biết nhau từ trước. Đầu tháng 11/2022, H và T cùng nhau đến KCN Q, tỉnh B để tìm việc. H thuê phòng số 19 tầng 1 trong khu trọ nhà anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1968 ở thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh B, còn T thuê tại khu trọ nhà chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 ở thôn G, xã P, huyện Q, tỉnh B. Sáng ngày 05/11/2022, H nảy sinh ý định trộm cắp xe máy trong khu trọ bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. H mang theo khẩu trang y tế và áo khoác màu đen, loại có mũ ra ngoài cổng khu trọ mặc áo, đội kín đầu, đeo khẩu trang rồi quay lại khu trọ để trộm cắp xe mô tô (mục đích để không ai nhận ra khi bị hệ thống camera an ninh ghi lại). Tại nhà để xe ở tầng 1, H thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Espero, màu xanh, BKS: 19AM - 007.20 của anh Hán Văn M, sinh ngày 18/8/2005, HKTT: Khu 8, xã V, huyện T, tỉnh P không khoá cổ, khoá càng. Quan sát xung quanh không có ai, Huỳnh dùng hai tay giật đứt hệ thống đầu nối điện của chiếc xe mô tô trên rồi dắt ra ngoài, ngồi lên xe đạp nổ máy đi tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 10 giờ cùng ngày, H mang xe mô tô vừa trộm cắp được đến khu vực phòng trọ của Trường để bán. Gặp T, H nói “có tiền không, cầm cho em con xe máy để lấy tiền ăn”, T hỏi “xe gì” thì Huỳnh đưa T xuống tầng một khu trọ để xem xe. Thấy xe máy không có chìa khoá, vẫn đang đầu điện trực tiếp T biết đó là xe do H trộm cắp mà có nên hỏi “xe lấy ở đâu” (ý là xe mô tô lấy trộm ở đâu), H trả lời “lấy ở dưới kia”, đồng thời rủ T đi sửa xe, T đồng ý. H điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở T đi đến khu vực thuộc huyện S, thành phố H thì vào quán sửa xe của một người đàn ông không quen biết để sửa xe và đánh lại 02 chìa khoá xe (H và T không nhớ địa điểm cụ thể ở đâu). Sau đó H và T đi về, khi đi đến khu vực cầu M, thuộc địa phận M, S, H, H dùng xe dùng tay tháo biển số đưa cho Trường vứt đi rồi cả hai đi về phòng trọ của T. Khi đến phòng trọ, T đưa cho H số tiền 1.000.000 đồng để mua chiếc xe mô tô trên. H cầm tiền rồi để xe lại cho T và đi về phòng trọ của H. Khi đi đến khu vực vòng xuyên gần UBND xã V, huyện Q, H tháo khẩu trang, cởi áo khoác đang mặc vứt đi. Số tiền có được từ việc bán xe, H đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 08/11/2022, anh M làm đơn trình báo đến Công an huyện Q. Cùng ngày, Công an huyện Q triệu tập H và T đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H, T đã đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như trên và đồng thời giao nộp xe mô tô Espero không biển số cùng hai chìa khoá xe.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã tiến hành dẫn giải Triệu Văn H và Phương Văn T đến khu vực Cầu M, M, S, H, tại đây đã phát hiện và thu giữ chiếc biển số 19AM - 007.20.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 79/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Q kết luận: “01 xe máy nhãn hiệu Espero, BKS: 19AM - 007.20 tại thời điểm tháng 11/2022 là 6.000.000 đồng”.

Cáo trạng số: 04/CT-VKSQV ngày 04/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố Triệu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự; Phương Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã khẳng định cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Triệu Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự, Phương Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Văn H từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/11/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phương Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/11/2022.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 107 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 02 chìa khoá.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Hán Văn M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến gì về phần kết luận và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ Hội đồng xét xử xét đã có đủ cơ sở kết luận: Sáng ngày 05/11/2022, tại khu trọ nhà anh Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1968 ở thôn N, xã V, huyện Q, tỉnh B, Triệu Văn H có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Espero, màu xanh, BKS: 19AM - 007.20 trị giá 6.000.000 đồng của anh Hán Văn M. Sau đó H mang chiếc xe trên bán cho Phương Văn T được 1.000.000 đồng. T biết chiếc xe trên là do H trộm cắp mà có nhưng do ham rẻ nên T đồng ý mua xe của H. Số tiền có được từ việc bán xe, H đã tiêu sài cá nhân hết. Hiện tài sản đã được thu hồi và trả cho bị hại.

Như vậy, thấy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của Triệu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự, Phương Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của cá nhân, xâm hại đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo H vì không có tiền nên đã trộm cắp để lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo T không hứa hẹn trước việc tiêu thụ tài sản nhưng biết tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có, vì ham rẻ nên vẫn mua. Tài sản các bị cáo trộm cắp và tiêu thụ có giá trị là 6.000.000 đồng. Chính vì vậy phải đưa ra xét xử bị cáo kịp thời và có hình phạt nghiêm để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về vai trò của từng bị cáo thì thấy: Bị cáo H là người chủ động thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, sau khi chiếm đoạt được tài sản Huỳnh tìm nơi tiêu thụ, tiền bán xe H tiêu sài cá nhân hết. Bị cáo T biết chiếc xe H bán cho là

do trộm cắp mà có nhưng vì ham rẻ nên vẫn mua với giá 1.000.000 đồng. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo T đến cơ quan Công an huyện Q đầu thú và giao nộp xe mô tô Espero không biển số cùng hai chìa khoá xe mô tô và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên khi quyết định hình phạt xem xét cho bị cáo.

[3] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng đều có tiền sự, đều chưa chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã đầu thú, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Trường sau khi phạm tội đã trả lại tài sản cho bị hại nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Về vật chứng: Ngày 30/11/2022, cơ quan CSĐT Công an huyện Quế Võ đã trả lại anh M chiếc xe mô tô cùng một biển số trên. Anh M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Đối với 02 (hai) chiếc chìa khoá xe mô tô không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Hán Văn M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu phải bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1, Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phương Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

3. Áp dụng Điều 329, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4. Xử phạt:

- Triệu Văn H 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/11/2022. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 20/02/2023 để đảm bảo thi hành án.

- Phương Văn T 10 (*Mười*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/11/2022. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 20/02/2023 để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

5. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) chiếc chìa khóa xe mô tô. (Theo đúng biên bản bàn giao vật chứng số: 31 ngày 05/01/2023 giữa Công an huyện Q và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q).

6. Buộc các bị cáo Triệu Văn H, Phương Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án xử vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Quế Võ;
- CQĐT CA huyện Quế Võ;
- Trại TGCA tỉnh Bắc Ninh;
- CCTHADS huyện Quế Võ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng